ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1973 /QĐ-UBND	*Bến Tre, ngày 11 tháng 9 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt phạm vi vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt các công trình khai thác nước mặt của Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre và Trung tâm nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Nghị định số 43/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước;

Căn cứ Thông tư số 24/2016/TT-BTNMT ngày 09 tháng 9 năm 2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc xác định và công bố vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 3822/TTr-STNMT ngày 28 tháng 8 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phạm vi vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt của 05 công trình thuộc Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre và 25 công trình thuộc Trung tâm nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn (*đính kèm Phụ lục*).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Tổ chức đăng tải danh mục vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt của các công trình đã được phê duyệt theo Quyết định này trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang thông tin điện tử của Sở; thông báo bằng văn bản đến Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn, các tổ chức, cá nhân có liên quan theo quy định và Cục Quản lý tài nguyên nước.

b) Đôn đốc, hướng dẫn, giám sát Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre và Trung tâm nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn thực hiện việc xác định ranh giới vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt trên thực địa sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và công bố.

c) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn nơi có công trình khai thác trong công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát các hoạt động trong vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt đã được phê duyệt.

2. Giao Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn nơi có công trình khai thác

a) Phối hợp với Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre và Trung tâm nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn và các cơ quan có liên quan xác định ranh giới phạm vi vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt trên thực địa thuộc địa bàn quản lý sau khi phê duyệt, công bố.

b) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo danh mục phạm vi vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt của các công trình đã được phê duyệt thuộc địa bàn quản lý đến các tổ chức, cá nhân có liên quan.

c) Chủ trì thực hiện các biện pháp bảo vệ chất lượng nguồn nước sinh hoạt trên địa bàn quản lý.

d) Tiếp nhận thông tin, giải quyết các vấn đề phát sinh liên quan đến vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt của các công trình khai thác nước trên địa bàn theo thẩm quyền.

3. Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre và Trung tâm nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn có trách nhiệm:

a) Phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn nơi có công trình khai thác và các cơ quan liên quan xác định ranh giới phạm vi của vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt của công trình trên thực địa.

b) Bảo vệ nguồn nước của công trình trực tiếp khai thác, sử dụng; theo dõi, giám sát các hoạt động trong vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt của công trình đã được phê duyệt. Trường hợp phát hiện hành vi gây ô nhiễm hoặc có nguy cơ gây ô nhiễm, không đảm bảo an toàn cho việc khai thác nước của công trình và các hành vi vi phạm pháp luật về tài nguyên nước khác trong phạm vi vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt của công trình khai thác thì phải kịp thời ngăn chặn, đồng thời báo cáo ngay đến chính quyền địa phương nơi gần nhất để xử lý.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Cục Quản lý tài nguyên nước;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Chánh và các Phó CVP UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Phòng: KT, TH;
- Lưu: VT. NKP.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Minh Cảnh

Phụ lục

PHẠM VI VÙNG BẢO HỘ VỆ SINH KHU VỰC LẤY NƯỚC SINH HOẠT CỦA CÁC CÔNG TRÌNH KHAI THÁC NƯỚC MẶT CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE VÀ TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN

(Kèm theo Quyết định số 1973 /QĐ-UBND ngày 11 tháng 9 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre)

TT	Tên công trình khai thác nước mặt	Số giấy phép	Nguồn nước khai thác	Quy mô công trình khai thác được cấp phép (m^3/ngày đêm)	Vị trí khai thác	Phạm vi vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt
I	**Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre**					
1	Nhà máy nước Sơn Đông	1980/GP-UBND Ngày 11/9/2019	Kênh Thanh Bình	31.900	Ấp 2, xã Sơn Đông, thành phố Bến Tre	Bao gồm phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước của sông Mã và vùng thượng lưu, hạ lưu tính từ điểm giao giữa kênh Thanh Bình và sông Mã: 800m về phía thượng lưu và 100m về phía hạ lưu.
2	Trạm bơm nước thô Cái Cỏ	1979/GP-UBND Ngày 11/9/2019	Rạch Bến Rớ	47.000	Ấp Phú Hòa, xã Quới Thành, huyện Châu Thành	Bao gồm phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước và vùng thượng lưu, hạ lưu từ vị trí khai thác nước: 900m về phía thượng lưu và 200m về phía hạ lưu
3	Trạm bơm cấp 1 - cầu Ba Lai mới	1424/QĐ-UBND Ngày 26/06/2017	Sông Ba Lai	9.500	Xã Tam Phước, huyện Châu Thành	Bao gồm phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước và vùng thượng lưu, hạ lưu từ vị trí khai thác nước: 1.000m về phía thượng lưu và 200m về phía hạ lưu

TT	Tên công trình khai thác nước mặt	Số giấy phép	Nguồn nước khai thác	Quy mô công trình khai thác được cấp phép (m^3/ngày đêm)	Vị trí khai thác	Phạm vi vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt
4	Nhà máy nước Lương Quới	507/QĐ-UBND Ngày 13/03/2017	Sông Lương Quới	6.000	Xã Châu Hòa, huyện Giồng Trôm	Bao gồm phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước và vùng thượng lưu, hạ lưu từ vị trí khai thác nước: 800m về phía thượng lưu và 200m về phía hạ lưu
5	Chi nhánh cấp nước Chợ Lách	1980/GP-UBND Ngày 11/9/2019	Sông Tiền	5.400	Ấp Tân Phú, xã Sơn Định, huyện Chợ Lách	Bao gồm phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước và vùng thượng lưu, hạ lưu từ vị trí khai thác nước: 800m về phía thượng lưu và 200m về phía hạ lưu
II	**Trung tâm nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn**					
1	Nhà máy nước Hữu Định	2570/QĐ-UBND Ngày 28/10/2009	Sông Cầu Hội	10 m^3/giờ	Ấp 2, xã Hữu Định, huyện Châu Thành	Bao gồm phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước và vùng thượng lưu, hạ lưu tính từ vị trí khai thác nước: 800m về phía thượng lưu và 200m về phía hạ lưu
2	Nhà máy nước Thới Lai	2098/QĐ-UBND Ngày 28/10/2008	Sông Ba Lai	80 m^3/giờ	Ấp Giồng Bông, xã Thới Lai, huyện Bình Đại	Bao gồm phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước và vùng thượng lưu, hạ lưu tính từ vị trí khai thác nước: 800m về phía thượng lưu và 200m về phía hạ lưu

TT	Tên công trình khai thác nước mặt	Số giấy phép	Nguồn nước khai thác	Quy mô công trình khai thác được cấp phép (m^3/ngày đêm)	Vị trí khai thác	Phạm vi vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt
3	Nhà máy nước Long Định	1569/QĐ-UBND Ngày 09/7/2009	Sông An Hóa	20 m^3/giờ	Ấp Long Hòa 1, xã Long Định, huyện Bình Đại	Bao gồm phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước và vùng thượng lưu, hạ lưu tính từ vị trí khai thác nước: 800m về phía thượng lưu và 200m về phía hạ lưu
4	Nhà máy nước Tân Mỹ	1003/QĐ-UBND Ngày 27/06/2007	Sông Ba Lai	165 m^3/giờ	ấp Mỹ Quý, xã Tân Mỹ, huyện Ba Tri	Bao gồm phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước và vùng thượng lưu, hạ lưu tính từ vị trí khai thác nước: 800m về phía thượng lưu và 200m về phía hạ lưu
5	Nhà máy nước An Hiệp	3050/QĐ-UBND Ngày 30/12/2011	Rạch Giồng Ao	10 m^3/giờ	xã An Hiệp, huyện Ba Tri	Bao gồm phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước và vùng thượng lưu, hạ lưu tính từ vị trí khai thác nước: 800m về phía thượng lưu và 200m về phía hạ lưu
6	Nhà máy nước An Hòa Tây	623/QĐ-UBND Ngày 03/04/2008	Rạch Giồng Quý	5 m^3/giờ	ấp An Quý, xã An Hòa Tây, huyện Ba Tri	Bao gồm phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước và vùng thượng lưu, hạ lưu tính từ vị trí khai thác nước: 800m về phía thượng lưu và 200m về phía hạ lưu
7	Nhà máy nước An Phú	2010/QĐ-UBND	Kênh Tự Chảy	40 m^3/giờ	ấp An Thái, xã	Bao gồm phạm vi hành lang

TT	Tên công trình khai thác nước mặt	Số giấy phép	Nguồn nước khai thác	Quy mô công trình khai thác được cấp phép (m^3/ngày đêm)	Vị trí khai thác	Phạm vi vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt
	Trung	Ngày 08/9/2011			An Phú Trung, huyện Ba Tri	bảo vệ nguồn nước và vùng thượng lưu, hạ lưu tính từ vị trí khai thác nước: 800m về phía thượng lưu và 200m về phía hạ lưu
8	Nhà máy nước Tân Hưng	2465/QĐ-UBND Ngày 14/10/2009	Kênh Tự Chảy	20 m^3/giờ	xã Tân Hưng, huyện Ba Tri	Bao gồm phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước và vùng thượng lưu, hạ lưu tính từ vị trí khai thác nước: 800m về phía thượng lưu và 200m về phía hạ lưu
9	Nhà máy nước Thanh Tân	1959/QĐ-UBND Ngày 12/9/2006	Sông Cái Cấm	5 m^3/giờ	Ấp Tân Thông 2, xã Thanh Tân, huyện Mỏ Cày Bắc	Bao gồm phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước và vùng thượng lưu, hạ lưu tính từ vị trí khai thác nước: 800m về phía thượng lưu và 200m về phía hạ lưu
10	Nhà máy nước Thạnh Ngãi	2513/QĐ-UBND Ngày 27/10/2011	Sông Cái Cấm	5 m^3/giờ	Ấp Gia Thạnh, xã Thạnh Ngãi, huyện Mỏ Cày Bắc	Bao gồm phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước và vùng thượng lưu, hạ lưu tính từ vị trí khai thác nước: 800m về phía thượng lưu và 200m về phía hạ lưu
11	Nhà máy nước Tân Thành Bình	722/QĐ-UBND Ngày 16/4/2008	Sông Chợ Xếp	20 m^3/giờ	ấp Chợ Xếp, xã Tân Thành Bình, huyện Mỏ Cày	Bao gồm phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước và vùng thượng lưu, hạ lưu tính từ vị

TT	Tên công trình khai thác nước mặt	Số giấy phép	Nguồn nước khai thác	Quy mô công trình khai thác được cấp phép (m^3/ngày đêm)	Vị trí khai thác	Phạm vi vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt
					Bắc	trí khai thác nước: 800m về phía thượng lưu và 200m về phía hạ lưu
12	Nhà máy nước Tân Thanh Tây	1753/QĐ-UBND Ngày 30/7/2009	Rạch Hòa Bình	10 m^3/giờ	Ấp Thanh Tây, xã Tân Thanh Tây, huyện Mỏ Cày Bắc	Bao gồm phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước và vùng thượng lưu, hạ lưu tính từ vị trí khai thác nước: 800m về phía thượng lưu và 200m về phía hạ lưu
13	Nhà máy nước Thành Thới A	2516/QĐ-UBND Ngày 22/12/2008	Sông Cái Chát Lớn	10 m^3/giờ	Ấp An Trạch Đông, xã Thành Thới A, huyện Mỏ Cày Nam	Bao gồm phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước và vùng thượng lưu, hạ lưu tính từ vị trí khai thác nước: 800m về phía thượng lưu và 200m về phía hạ lưu
14	Nhà máy nước Ngãi Đăng	686/QĐ-UBND Ngày 11/4/2008	Kênh Ngãi Đăng	10 m^3/giờ	Ấp Bình Sơn, xã Ngãi Đăng, huyện Mỏ Cày Nam	Bao gồm phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước và vùng thượng lưu, hạ lưu tính từ vị trí khai thác nước: 800m về phía thượng lưu và 200m về phía hạ lưu
15	Nhà máy nước Bình Khánh Đông	2051/QĐ-UBND Ngày 27/8/2009	Sông Cái Quao	10 m^3/giờ	Ấp Phú Tây Thượng, xã Bình Khánh Đông, huyện Mỏ Cày	Bao gồm phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước và vùng thượng lưu, hạ lưu tính từ vị trí khai thác nước: 800m về phía thượng lưu và 200m về

TT	Tên công trình khai thác nước mặt	Số giấy phép	Nguồn nước khai thác	Quy mô công trình khai thác được cấp phép (m^3/ngày đêm)	Vị trí khai thác	Phạm vi vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt
					Nam	phía hạ lưu
16	Nhà máy nước Thạnh Phú	1301/QĐ-UBND Ngày 09/8/2007	Kênh Phụ Nữ	10 m^3/giờ	Ấp Thạnh Hòa A, thị trấn Thạnh Phú, huyện Thạnh Phú	Bao gồm phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước và vùng thượng lưu, hạ lưu tính từ vị trí khai thác nước: 800m về phía thượng lưu và 200m về phía hạ lưu
17	Nhà máy nước Hòa Lợi	1157/QĐ-UBND Ngày 02/6/2009	Kênh Phụ Nữ	10 m^3/giờ	Ấp Quý Thuận A, xã Hòa Lợi, huyện Thạnh Phú	Bao gồm phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước và vùng thượng lưu, hạ lưu tính từ vị trí khai thác nước: 800m về phía thượng lưu và 200m về phía hạ lưu
18	Nhà máy nước Thới Thạnh	2982/QĐ-UBND Ngày 08/12/2016	Sông Cổ Chiên	10 m^3/giờ	Ấp Xương Thạnh A, xã Thới Thạnh, huyện Thạnh Phú	Bao gồm phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước và vùng thượng lưu, hạ lưu tính từ vị trí khai thác nước: 800m về phía thượng lưu và 200m về phía hạ lưu
19	Nhà máy nước Phú Khánh	2982/QĐ-UBND Ngày 08/12/2016	Rạch Phú Luông	20 m^3/giờ	Ấp Phú Long Phụng, xã Phú Khánh, huyện Thạnh Phú	Bao gồm phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước và vùng thượng lưu, hạ lưu tính từ vị trí khai thác nước: 800m về phía thượng lưu và 200m về phía hạ lưu

TT	Tên công trình khai thác nước mặt	Số giấy phép	Nguồn nước khai thác	Quy mô công trình khai thác được cấp phép (m^3/ngày đêm)	Vị trí khai thác	Phạm vi vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt
20	Nhà máy nước Phước Long	2050/QĐ-UBND Ngày 27/8/2009	Rạch Cầu Đập	10 m^3/giờ	Ấp Long Thị, xã Phước Long, huyện Giồng Trôm	Bao gồm phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước và vùng thượng lưu, hạ lưu tính từ vị trí khai thác nước: 800m về phía thượng lưu và 200m về phía hạ lưu
21	Nhà máy nước Châu Bình	3124/QĐ-UBND Ngày 26/12/2017	Sông Ba Tri Rom	1.200	Ấp Bình Phú, xã Châu Bình, huyện Giồng Trôm	Bao gồm phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước và vùng thượng lưu, hạ lưu tính từ vị trí khai thác nước: 800m về phía thượng lưu và 200m về phía hạ lưu
22	Nhà máy nước Lương Phú	912/QĐ-UBND Ngày 13/5/2008	Rạch Nhà Thờ	5 m^3/giờ	Ấp 2, xã Lương Phú, huyện Giồng Trôm	Bao gồm phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước và vùng thượng lưu, hạ lưu tính từ vị trí khai thác nước: 800m về phía thượng lưu và 200m về phía hạ lưu
23	Nhà máy nước Bình Thành	976/GP-UBND Ngày 14/5/2019	Kênh K20	1.440	Ấp Hồ Sen, xã Bình Thành, huyện Giồng Trôm	Bao gồm phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước và vùng thượng lưu, hạ lưu tính từ vị trí khai thác nước: 800m về phía thượng lưu và 200m về phía hạ lưu
24	Nhà máy nước Hưng	1593/GP-UBND	Sông Bún Thợ	1.200	ấp Hưng Hòa	Bao gồm phạm vi hành lang

TT	Tên công trình khai thác nước mặt	Số giấy phép	Nguồn nước khai thác	Quy mô công trình khai thác được cấp phép (m^3/ngày đêm)	Vị trí khai thác	Phạm vi vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt
	Nhượng	Ngày 28/7/2023	Cầm		Tây, xã Hưng Nhượng, huyện Giồng Trôm	bảo vệ nguồn nước và vùng thượng lưu, hạ lưu tính từ vị trí khai thác nước: 800m về phía thượng lưu và 200m về phía hạ lưu
25	Nhà máy nước Tân Hào	1186/QĐ-UBND Ngày 25/6/2012	Sông Hương Điểm	40 m^3/giờ	ấp 1, xã Tân Hào, huyện Giồng Trôm	Bao gồm phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước và vùng thượng lưu, hạ lưu tính từ vị trí khai thác nước: 800m về phía thượng lưu và 200m về phía hạ lưu

Ghi chú: *Phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước thực hiện theo Quyết định số 1712/QĐ-UBND ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Danh mục các nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ trên địa bàn tỉnh Bến Tre.*